

Số: 200/2023/QĐST-HNGĐ

T, ngày 15 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

Bà Phạm Thị Thúy D, sinh năm 1989;

Địa chỉ: 13/77 đường H, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Hưởng Minh N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: 284A đường Đ, Phường M, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 93/2017 ngày 29/9/2017 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hưởng Minh N và bà Phạm Thị Thúy D là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hưởng Minh N và bà Phạm Thị Thúy D cùng trình bày: Ông bà tự nguyện chung sống vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93/2017 ngày 29/9/2017. Trong quá trình chung sống thì xảy ra bất đồng về quan điểm, không hòa thuận, không còn tình cảm. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Hiện nay, ông bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 10/8/2021. Hai bên thỏa thuận, bà D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[7] Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Hưởng Minh N và bà Phạm Thị Thúy D cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hưởng Minh N và bà Phạm Thị Thúy D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 10/8/2021. Ly hôn, bà Phạm Thị Thúy D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Hưởng Minh N do bà D không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Nguyễn Hưởng Minh N và bà Phạm Thị Thúy D chịu được căn cứ vào tiền tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0008750 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.T;
- Chi cục THADS Q. T;
- UBND Phường B, quận T;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Sâm

